

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
KHOA KINH TẾ**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

**NGÀNH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
MÃ NGÀNH 9620115**

Cần Thơ, tháng 7 năm 2022

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NGÀNH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

*(Ban hành kèm theo quyết định số 2424/QĐ-ĐHCT, ngày 07 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)*

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 888/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, Chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp được mô tả như sau:

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Kinh tế nông nghiệp
Tên chương trình (tiếng Anh)	Agricultural Economics
Mã số ngành đào tạo	9620115
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Bằng tiến sĩ
Trình độ đào tạo	Tiến sĩ
Số tín chỉ yêu cầu	90 tín chỉ đối với NCS đầu vào trình độ thạc sĩ; 120 tín chỉ đối với NCS đầu vào trình độ đầu vào trình độ đại học loại giỏi.
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	03 năm đối với NCS đầu vào trình độ thạc sĩ 04 năm đối với NCS đầu vào trình độ đầu vào trình độ đại học loại giỏi. Thời gian đào tạo tối đa: 6 năm
Chuẩn đầu vào	
Yêu cầu chung	-Tốt nghiệp Thạc sĩ hoặc CTĐT chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 ngành phù hợp; hoặc tốt nghiệp hạng giỏi trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp. -Có trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 (B2) theo Khung năng lực bậc 6 dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. - Các yêu cầu về kinh nghiệm, năng lực nghiên cứu được cụ thể trong quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ.
Ngành phù hợp không học bổ sung kiến thức	Kinh tế nông nghiệp

Ngành phù hợp học bổ sung kiến thức	Kinh tế học, Kinh tế phát triển, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh; Kinh doanh thương mại, Tài chính - ngân hàng; Bảo hiểm, Kế toán; Kinh tế đầu tư; Kinh tế quốc tế; Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực; Quản trị văn phòng; Hệ thống thông tin quản lý, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý công nghiệp, Quản lý năng lượng, Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, Phát triển nông thôn, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Kinh tế xây dựng, Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý thủy sản, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý đất đai, Quản lý biển đảo và đới bờ
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Đã hoàn thành Khung khối lượng tín chỉ (TC) trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của ngành Kinh tế nông nghiệp; - Không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên; - Được Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường thông qua; - Được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thông qua danh sách nghiên cứu sinh được xét cấp bằng tiến sĩ.
Vị trí việc làm	Tiến sĩ Kinh tế nông nghiệp là cán bộ quản lý, cán bộ nghiên cứu thuộc lĩnh vực Kinh tế có thể làm việc: <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc trong các cơ quan Nhà nước từ Trung ương đến địa phương trong lĩnh vực kinh tế hoặc liên quan đến kinh tế. - Các cơ quan hoạch định, quản lý, chỉ đạo, thực hiện chính sách nông nghiệp và nông thôn. - Trong các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; Các tổ chức kinh tế (Doanh nghiệp nông nghiệp, Trang trại, Cơ sở chế biến, marketing, nông lâm thủy sản, các hợp tác xã, tổ chức tài chính và ngân hàng). - Giảng dạy về kinh tế trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp; Các tổ chức nghiên cứu và đào tạo liên quan đến nông nghiệp; Có khả năng tự nghiên cứu trong các viện nghiên cứu kinh tế thuộc các bộ ngành, các trường đại học. - Làm việc trong các tổ chức Quốc tế, các công ty tư vấn về kinh tế; Các tổ chức xã hội nghề nghiệp và nông thôn; Các chương trình về PTNT, cộng đồng, các công ty kinh doanh vật tư, chế biến...
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	Nghiên cứu sinh có thể tiếp tục nghiên cứu sau tiến sĩ sau khi tốt nghiệp.
Đã tham khảo CTĐT của trường	- Học viện Nông nghiệp Việt Nam: https://www.vnua.edu.vn/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao/view.html?cid=4662&tab=4662

	<ul style="list-style-type: none"> - Trường Đại học Nông Lâm Tp. HCM: https://eco.hcmuaf.edu.vn/eco-38527-1/vn/tien-si-kinh-te-nong-nghiep.html - Purdue University: https://ag.purdue.edu/agecon/Pages/PhD-Programs.aspx - University of California, UC Davis: https://are.ucdavis.edu/graduate/current-students/handbook/phd/
Thông tin về đánh giá, kiểm định chương trình đào tạo	- Trường Đại học Cần Thơ đã được chứng nhận đạt chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2018 – 2023.
Thời gian cập nhật bản mô tả	Tháng 7 năm 2022

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ nhằm giúp nghiên cứu sinh hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức về nguyên lý kinh tế và kinh tế nông nghiệp; hỗ trợ nghiên cứu sinh rèn luyện tư duy phản biện và có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát hiện, dự báo và giải quyết được những vấn đề mới trong thực tiễn và lý thuyết của lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn và có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo:

- a. Trang bị cho NCS những kiến thức chuyên sâu về nguyên lý kinh tế, kinh tế nông nghiệp;
- b. Trang bị cho NCS những công cụ phân tích định lượng và định tính nâng cao để xử lý thấu đáo các loại dữ liệu trong các NCKH;
- c. Hoàn thiện tư duy phản biện khoa học và giải quyết các vấn đề kinh tế trong khoa học và thực tiễn;
- d. Phát triển khả năng nghiên cứu độc lập của NCS và hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình đào tạo người học đạt được kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm như sau:

3.1. Kiến thức

- a. Nắm vững phương pháp luận và các nguyên lý chuyên sâu trong thực hiện nghiên cứu kinh tế và kinh tế nông nghiệp;
- b. Vận dụng các lý thuyết kinh tế để giải quyết các vấn đề cấp thiết trong nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- c. Đánh giá và phát triển các nguyên lý, lý thuyết của chuyên ngành kinh tế nông nghiệp;
- d. Đánh giá và thiết kế các chính sách kinh tế trong nông nghiệp và phát triển nông thôn.

3.2. Kỹ năng

- a. Thực hiện độc lập các nghiên cứu chuyên sâu trong kinh tế và kinh tế nông nghiệp;
- b. Ứng dụng thành thạo các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng để xử lý các loại dữ liệu trong các NCKH;

- c. Có khả năng tham gia thảo luận, trình bày kết quả nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế về các vấn đề kinh tế, kinh tế nông nghiệp
- d. Có khả năng tham gia vào công tác giảng dạy, đào tạo, tư vấn thuộc chuyên ngành kinh tế nông nghiệp.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- a. Có thái độ trung thực, có trách nhiệm, có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp; và các quy định của pháp luật.

3.4. Ngoại ngữ trong quá trình học tập, nghiên cứu:

Nghiên cứu sinh tự học nâng cao năng lực ngoại ngữ

4. Các tiêu chí liên quan tuyển sinh

4.1 Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển

4.2. Điều kiện dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

e) Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II (Ban hành kèm theo Thông tư 18 /2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố.

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do cơ sở đào tạo quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra và học phần

5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu cụ thể (2.2)	Chuẩn đầu ra								
	3.1. Kiến thức				3.2. Kỹ năng				3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm
	(a)	(b)	(c)	(d)	(a)	(b)	(c)	(d)	(a)
2.2a	x				x		x	x	x
2.2b		x			x		x	x	x
2.2c		x	x		x	x	x	x	x
2.2d			x	x	x	x	x	x	x

5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (chỉ mô tả các học phần trình độ tiến sĩ)

Học phần			Chuẩn đầu ra								
			3.1. Kiến thức				3.2. Kỹ năng				3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm
TT	MSHP	Tên học phần	(a)	(b)	(c)	(d)	(a)	(b)	(c)	(d)	(a)
1	KT904	Kinh tế lượng nâng cao	x	x			x			x	x
2	KT902	Kinh tế vi mô nâng cao			x	x	x			x	x
3	KT903	Lý thuyết giá trong thị trường nông nghiệp	x		x		x		x		x
4	KT908	Kinh tế sản xuất nâng cao	x	x		x	x	x	x	x	x
5	KT933	Lượng giá tài nguyên môi trường nâng cao					x	x	x		x
6	KT934	Phân tích tài chính nông nghiệp	x				x				x
7	KT936	Phương pháp đánh giá tác động		x			x			x	x
8	KT935	Kinh tế phát triển nâng cao	x	x		x	x			x	x
9	KT951	Phân tích chính sách nông nghiệp và lương thực	x	x	x	x	x		x	x	x

6. Một số định hướng nghiên cứu

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn NCS (thỏa Điều 5, TT18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021)	Số lượng NCS Có thể nhận
1	Sự vận hành của các thị trường nông sản	PGS.TS. Nguyễn Phú Sơn, PGS.TS. Phạm Lê Thông, PGS.TS. Huỳnh Trường Huy, TS. Nguyễn Hữu Tâm.	2
2	Phân tích sinh kế nông hộ	PGS.TS. Phạm Lê Thông, PGS.TS. Huỳnh Trường Huy, PGS.TS. Quan Minh Nhựt, TS. Lê Tấn Nghiêm.	2
3	Lao động và việc làm nông thôn	PGS.TS. Huỳnh Trường Huy, PGS. TS. Nguyễn Hữu Đăng, TS. Lê Tấn Nghiêm.	2
4	Đánh giá các mô hình sản xuất của nông hộ	PGS.TS. Quan Minh Nhựt, PGS. TS. Mai Văn Nam, PGS. TS. Nguyễn Tuấn Kiệt, PGS. TS. Nguyễn Hữu Đăng, PGS. TS. Huỳnh Việt Khải, TS. Khổng Tiến Dũng	3
5	Vấn đề tài nguyên môi trường trong phát triển nông	PGS.TS. Võ Thành Danh,	2

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn NCS (thỏa Điều 5, TT18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021)	Số lượng NCS Có thể nhận
	ngành và nông thôn	PGS. TS. Mai Văn Nam, PGS. TS. Huỳnh Việt Khải, TS. Ngô Thị Thanh Trúc, TS. Khổng Tiến Dũng.	
6	Sự vận hành của thị trường tài chính nông thôn	PGS.TS. Lê Khương Ninh PGS.TS. Trương Đông Lộc PGS.TS. Trần Ái Kết PGS. TS. Phan Đình Khôi	2
7	Các vấn đề về thể chế, chính sách, dự án trong phát triển nông nghiệp và nông thôn.	PGS. TS. Mai Văn Nam, PGS. TS. Võ Thành Danh, PGS.TS. Lê Khương Ninh, PGS. TS. Huỳnh Việt Khải PGS. TS. Phạm Lê Thông	2
8	Phân tích chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng nông sản	PGS.TS. Nguyễn Phú Sơn, TS. Nguyễn Hữu Tâm, TS. Nguyễn Quốc Nghi, TS. La Nguyễn Thùy Dung PGS.TS. Huỳnh Trường Huy,	2
9	Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp	PGS.TS. Phạm Lê Thông, PGS.TS. Huỳnh Trường Huy, PGS.TS. Nguyễn Phú Sơn, PGS.TS. Quan Minh Nhựt, TS. Khổng Tiến Dũng	2
10	Rủi ro trong sản xuất và kinh doanh nông nghiệp	PGS.TS. Phạm Lê Thông, PGS. TS. Huỳnh Việt Khải, TS. Khổng Tiến Dũng.	2
11	Nghiên cứu phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn	PGS.TS. Phạm Lê Thông, PGS.TS. Nguyễn Phú Sơn, TS. Khổng Tiến Dũng	2

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Căn cứ Quyết định số 888/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, Chương trình dạy học ngành Kinh tế nông nghiệp được mô tả như sau:

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Tổng số tín chỉ toàn khóa: 90 tín chỉ cho người tốt nghiệp thạc sĩ, 120 tín chỉ cho người tốt nghiệp đại học.

1.1. Phần 1: Học phần bổ sung kiến thức

- *Có bằng đại học ngành phù hợp*: học bổ sung các học phần (30 TC), gồm các học phần bắt buộc thuộc CTĐT Thạc sĩ định hướng nghiên cứu, không bao gồm Luận văn tốt nghiệp và các chuyên đề.

- *Có bằng thạc sĩ các ngành cần bổ sung kiến thức*: học bổ sung 9 TC.

1.2. Phần 2: Các học phần trình độ tiến sĩ: 11 TC, bao gồm 6 bắt buộc; 5 tự chọn.

1.3. Phần 3: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ: 79 TC, bao gồm 73 TC bắt buộc; 6 TC tự chọn.

2. Khung chương trình đào tạo

Phần 1: Học phân bổ sung

2.1. Có bằng đại học ngành phù hợp: học bổ sung các học phần (30 TC), gồm các học phần bắt buộc thuộc CTĐT Thạc sĩ định hướng nghiên cứu, không bao gồm Luận văn tốt nghiệp và các chuyên đề.

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
Phần kiến thức chung									
1	ML606	Triết học	4	x		60			I, II
<i>Cộng: 4 TC (Bắt buộc 4 TC)</i>									
Phần kiến thức khối ngành									
2	KT760	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	x		30			I, II
3	KT602	Kinh tế vi mô	3	x		45			I, II
4	KT603	Kinh tế vĩ mô	3	x		45			
5	KT642	Kinh doanh nông nghiệp	2		x	30			I, II
6	KTN615	Thương mại nông nghiệp quốc tế	2		x	30			I, II
7	KTN613	Phân tích giá trong nông nghiệp	2		x	30			I, II
<i>Cộng: 10 TC (Bắt buộc: 8TC; Tự chọn: 2 TC)</i>									
Phần kiến thức chuyên ngành									
8	KT604	Kinh tế lượng	3	x		45			I, II
9	KT606	Kinh tế nông nghiệp	3	x		45			I, II
10	KT608	Kinh tế sản xuất	3	x		45			I, II
11	KT643	Phân tích chính sách nông nghiệp	3		x	45			I, II
12	KT631	Kinh tế phát triển	3		x	45			I, II
13	KT653	Phân tích chuỗi giá trị	2		x	30			I, II
14	KTN601	Dự báo kinh tế nâng cao	2		x	30			I, II
15	KTN600	Phân tích rủi ro trong nông nghiệp	2		x	30			I, II
<i>Cộng: 16 TC (Bắt buộc: 9 TC; Tự chọn: 7 TC)</i>									
Tổng cộng			30	21	9				

2.2. Có bằng thạc sĩ các ngành cần bổ sung kiến thức (9 TC)

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
1	KT608	Kinh tế sản xuất	3	x		45			I, II
2	KT604	Kinh tế lượng	3	x		45			I, II
3	KT606	Kinh tế nông nghiệp	3	x		45			I, II
<i>Cộng: 9 TC (Bắt buộc: 9 TC)</i>									
Tổng cộng			9	9	0				

Phần 2: Các học phần trình độ tiến sĩ (11 TC)

T	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
1	KT904	Kinh tế lượng nâng cao	3	x		35	20		I, II
2	KT902	Kinh tế vi mô nâng cao	3	x		45			I, II
3	KT903	Lý thuyết giá trong thị trường nông nghiệp	3		x	35	20		I, II
4	KT908	Kinh tế sản xuất nâng cao	3		x	45			I, II
5	KT933	Lượng giá tài nguyên môi trường nâng cao	2		x	30			I, II
6	KT934	Phân tích tài chính nông nghiệp	2		x	30			I, II
7	KT936	Phương pháp đánh giá tác động	2		x	25	10		I, II
8	KT935	Kinh tế phát triển nâng cao	2		x	30			I, II
9	KT951	Phân tích chính sách nông nghiệp và lương thực	2		x	30			I, II
<i>Cộng: 11 TC (Bắt buộc: 6 TC; Tự chọn: 5 TC)</i>									
Tổng cộng			11	6	5				

Phần 3: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ

TT	Các nội dung chính	Định mức (TC/HP)	Số lượng (HP)	Bắt buộc (TC)	Tự chọn (TC)	Tổng (TC)	Ghi chú
3.1	Tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ	3	3	9		9	
3.1.1	Tiểu luận tổng quan	3	1	3		3	
3.1.2	Chuyên đề tiến sĩ	3	2	6		6	
3.2	Bài báo khoa học (Tác giả chính ít nhất 2 điểm công trình)		1-3	10	6	10-16	Điểm bài báo theo HDGSNN
	<i>Tạp chí KH thuộc WoS/Scopus (Q1: 10 TC; Q2: 8 TC; Q3, Q4: 7 TC; WoS/copus: chưa xếp hạng: 6 TC)</i>	6-10	1-2			10-16	
	<i>Chương sách tham khảo do các NXB quốc tế có uy tín phát hành, có chỉ số ISBN</i>	6	2			12	
	<i>Tạp chí KH trong nước (TCKH) theo danh mục HDGSNN cho từng chuyên ngành, điểm công trình từ 0,75đ trở lên (TCKH 0,75đ: 4 TC; TCKH 1,0đ trở lên: 5 TC)</i>	4-5	2-3			10-12	TC dư KHÔNG thay thế cho TC seminar học thuật
3.3	Seminar về kết quả nghiên cứu toàn luận án trước khi đánh giá ở đơn vị chuyên môn	4	1	4		4	
3.4	Seminar học thuật (có thể được thay thế bằng bài báo thuộc <i>Tạp chí KH thuộc WoS/Scopus</i> hoặc <i>Chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, có chỉ số ISBN</i>):	1-5	2-4		6	6	Tự chọn
	Báo cáo Seminar học thuật BM (1-3 seminar)	1					
	Báo cáo Seminar học thuật Đơn vị đào tạo (Khoa, Viện)	2					
	Báo cáo Hội thảo khoa học Quốc gia	3					
	Báo cáo Hội thảo khoa học Quốc tế	5					
3.5	Luận án			50		50	
3.5.1	Báo cáo kết quả nghiên cứu giữa kỳ	5		5		5	
3.5.2	Trình luận án tại đơn vị chuyên môn	15		15		15	
3.5.3	Trình luận án tại cơ sở đào tạo (cấp Trường)	30		30		30	
	TỔNG CỘNG			73	6	79	

3. Kế hoạch dạy học

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
Học kỳ 1									
1	KT904	Kinh tế lượng nâng cao	3	x		35	20		I, II
2	KT902	Kinh tế vi mô nâng cao	3	x		35	20		I, II
Học kỳ 2									
3	KT906	Lý thuyết giá trong thị trường nông nghiệp	3		x	35	20		I, II
4	KT908	Kinh tế sản xuất nâng cao	3		x	45			I, II
5	KT933	Lượng giá tài nguyên môi trường nâng cao	2		x	30			I, II
6	KT934	Phân tích tài chính nông nghiệp	2		x	30			I, II

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
7	KT936	Phương pháp đánh giá tác động	2		x	25	10		I, II
8	KT935	Kinh tế phát triển nâng cao	2		x	30			I, II
9	KT951	Phân tích chính sách nông nghiệp và lương thực	2		x	30			I, II

4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	KT904	Kinh tế lượng nâng cao	3	Môn học cung cấp cho học viên những công cụ quan trọng để phân tích định lượng chính xác các mối quan hệ kinh tế trong những nghiên cứu kinh tế. Môn học cũng giúp cho học viên xây dựng và ứng dụng các mô hình kinh tế lượng nâng cao với những dạng số liệu khác nhau, thông qua đó học viên có thể đo lường, kiểm định các mối quan hệ kinh tế khác nhau, xử lý các khiếm khuyết của các mô hình kinh tế lượng để đạt độ tin cậy cao. Một số chủ đề trong môn học này: Phân tích mô hình hồi quy tuyến tính, các dạng mô hình phi tuyến tính, kiểm định các giả thuyết của các mô hình, dự báo	Khoa Kinh tế
2	KT902	Kinh tế vi mô nâng cao	3	Môn học cung cấp kiến thức chuyên sâu cho người học về cung cầu thị trường và đầu tư trong điều kiện không chắc chắn trong tương lai bởi sản xuất luôn có độ trễ giữa thời điểm tiến hành sản xuất và thời điểm sản phẩm được hoàn chỉnh. Ngoài ra, người học còn được cung cấp kiến thức chuyên sâu về lý thuyết lao động bởi cung cầu sức lao động phụ thuộc rất nhiều vào quyết định chọn lựa trong việc làm nhằm tối đa hóa hữu dụng, đặc biệt là hữu dụng liên thời gian. Cuối cùng, thông qua học phần này người học còn nắm bắt được lý thuyết thông tin bất đối xứng – khía cạnh ảnh hưởng sâu sắc đến phương diện quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh, đặc biệt là trên phương diện kinh doanh hàng hóa và quản trị nguồn nhân lực.	Khoa Kinh tế
3	KT903	Lý thuyết giá trong thị trường nông nghiệp	3	Môn học cung cấp cho học viên những hiểu biết về các thành phần phức hợp tác động đến giá và sự biến động của giá nông sản. Môn học còn trang bị cho người học những công cụ phân tích định lượng hữu ích trong việc dự báo sự thay đổi của giá và những tác động kinh tế của sự thay đổi giá nông sản. Học viên còn được tiếp cận các nghiên cứu thực nghiệm về giá nông sản để phục vụ cho việc phát triển vấn đề nghiên	Khoa Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				cứu về giá nông sản.	
4	KT908	Kinh tế sản xuất nâng cao	3	Môn học này cung cấp cho người học các khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc lý thuyết và thực nghiệm về kinh tế học sản xuất nâng cao. Môn học cung cấp cho học viên những hiểu biết về các thành phần trong hàm sản xuất và những kiến thức có liên quan để giải quyết các vấn đề có liên quan trong quá trình sản xuất. Môn học cũng trang bị những công cụ ước lượng có liên quan đến lý thuyết sản xuất để phân tích, đánh giá và đưa ra quyết định sản xuất, quản lý trong thực tế.	Khoa Kinh tế
5	KT933	Lượng giá tài nguyên môi trường nâng cao	2	Môn học sẽ cung cấp cho học viên kiến thức về các phương pháp ước lượng giá trị bằng tiền các hệ thống tài nguyên môi trường. Đây là cơ sở cho các đánh giá lợi ích – chi phí của một dự án hay chính sách nào đó có liên quan hoặc tác động đến các hệ thống tài nguyên môi trường	Khoa Kinh tế
6	KT934	Phân tích tài chính nông nghiệp	2	Môn học sẽ cung cấp cho học viên kiến thức về các phương pháp ước lượng giá trị bằng tiền các hệ thống tài nguyên môi trường. Đây là cơ sở cho các đánh giá lợi ích – chi phí của một dự án hay chính sách nào đó có liên quan hoặc tác động đến các hệ thống tài nguyên môi trường	Khoa Kinh tế
7	KT936	Phương pháp đánh giá tác động	2	Môn học cung cấp cho học viên những công cụ định lượng để đánh giá một cách đáng tin cậy tác động của những chương trình, dự án phát triển hay những can thiệp của chính phủ. Do có nhiều lựa chọn trong việc thiết kế và đánh giá chương trình nên việc chọn được phương pháp đánh giá phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc phản ánh những chính xác những tác động được quan tâm trong những hoàn cảnh đánh giá cụ thể. Sử dụng phương pháp đánh giá phù hợp sẽ giúp những nhà nghiên cứu và những nhà lập chính sách thấy rõ hiệu quả của những chương trình, dự án đối với những mục tiêu đề ra để, từ đó, có những can thiệp và điều chỉnh phù hợp.	Khoa Kinh tế
8	KT935	Kinh tế phát triển nâng cao	2	Nội dung trọng tâm của học phần này cung cấp lượng kiến thức nâng cao về các lý thuyết tăng trưởng kinh tế nói chung và kiến thức chuyên sâu về các mô hình tăng trưởng kinh tế nội sinh nói riêng.	Khoa Kinh tế
9	KT951	Phân tích chính sách nông	2	Môn học phân tích chính sách nông nghiệp cung cấp các kiến thức có liên quan đến các lý thuyết về chính sách công trong phân tích kinh	Khoa Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		nghịệp và lương thực		tế; kinh tế phúc lợi; các công cụ cho phân tích chính sách nông nghiệp.	

Đề cương chi tiết các học phần được đính kèm ở phần Phụ lục.

5. Phương pháp giảng dạy và học tập

Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào nội dung từng học phần, mà giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau. Đối với hình thức tổ chức dạy học có thể gồm những hình thức như: dạy trực tiếp trên lớp học hay ngoài cộng đồng hoặc dạy học trực tuyến. Đối với phương pháp dạy và học, giảng viên thường sử dụng độc lập hoặc kết hợp nhiều phương pháp dạy học đa dạng như sau: phương pháp quan sát, phương pháp trải nghiệm thực tế, phương pháp học qua dự án, phương pháp nghiên cứu trường hợp, phương pháp học qua tình huống, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp thuyết trình, phương pháp tra cứu, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp diễn giảng, đàm thoại gợi mở, minh họa thực hành, trò chơi, tự học độc lập,...

6. Phương pháp đánh giá

- Phương pháp đánh giá lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và phù hợp với phương pháp dạy và học đồng thời đảm bảo đo được chuẩn đầu ra mà chương trình đào tạo mong muốn người học đạt được. Có hai hình thức đánh giá người học được giảng viên sử dụng phổ biến trong quá trình đào tạo là đánh giá thường xuyên (đánh giá liên tục trong suốt tiến trình đào tạo) và đánh giá tổng hợp thực hiện định kỳ vào giữa và cuối các tiến trình học tập (ví dụ như đánh giá giữa học kỳ và đánh giá cuối học kỳ). Các phương pháp đánh giá trực tiếp và gián tiếp thông qua: trắc nghiệm, tự luận, bài kiểm tra ngắn, câu trả lời ngắn, ý kiến thảo luận, sản phẩm của nhóm, bài thuyết trình, hình vẽ, sơ đồ, bài viết, nhật ký học tập, kiểm tra thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, vấn đáp, báo cáo,...

- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

Cần Thơ, ngày 07 tháng 07 năm 2022

TRƯỞNG BỘ MÔN

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA KINH TẾ**



Lê Khương Ninh

Phạm Lê Thông